

Số: 31 /2015/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 06 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BKHHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 392/TTr-SKHCN ngày 04/8/2015 và Báo cáo thẩm định số 194/BC-STP ngày 01/7/2015 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 18/2006/QĐ-UBND ngày 23/3/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy định về quản lý thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ; Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 10/9/2010 Sửa đổi, bổ sung Điều 4 và Điều 5 của Quyết định số 18/2006/QĐ-UBND ngày 23/3/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về quản lý thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp (KT);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (VIC);
- UBND các huyện, thành phố (VIC);
- Thành viên Hội đồng Khoa học tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Cà Mau;
- Trung tâm CB-TH;
- Các Chuyên viên (VIC);
- Lưu: VT, TT, Ktr03/10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thân Đức Hưởng

QUY ĐỊNH

Về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2015/QĐ-UBND
ngày 06/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là nhiệm vụ khoa học và công nghệ); quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là xác định, tuyển chọn, nghiệm thu) phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả xác định, tuyển chọn, nghiệm thu phải được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ địa chỉ: <http://sokhcn.camau.gov.vn>.

2. Xác định, tuyển chọn, nghiệm thu được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ).

3. Các biểu mẫu trong quy định này được thực hiện theo biểu mẫu chung theo các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước đáp ứng các tiêu chí sau:

- a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh.
- b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh.
- c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh và của Trung ương hỗ trợ theo các chương trình, mục tiêu.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chỉ đạo thực hiện gồm:

- a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
- b) Đề án khoa học cấp tỉnh.
- c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
- d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.
- đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
- e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

Điều 4. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ.

2. Thành phần:

Hội gồm có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền, hai thành viên là ủy viên phản biện và các thành viên khác. Trong đó có:

a) 1/3 là đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tổ chức sản xuất - kinh doanh sử dụng kết quả khoa học và công nghệ, các tổ chức khác có liên quan.

b) 2/3 là nhà khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan.

Trong trường hợp cần thiết cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo thẩm quyền chỉ định 2 chuyên gia làm phản biện không nêu danh.

Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Nguyên tắc hoạt động

a) Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền và phải đầy đủ ủy viên phản biện.

b) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết bằng phiếu và lấy đa số phiếu để quyết định, trường hợp có số phiếu bằng nhau thì phiếu của Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Các ý kiến của thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản.

Điều 5. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ tỉnh) dựa trên chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và những yêu cầu bức xúc đặt ra từ thực tiễn sản xuất và đời sống... Trên cơ sở đó, thông báo rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia đăng ký đề xuất nhiệm vụ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tọa đàm, lấy ý kiến; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện và thành phố trong tỉnh đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. Nhiệm vụ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất để giải quyết những nhiệm vụ bức xúc của tỉnh.

4. Đề xuất chuyển giao công nghệ từ các kết quả nghiên cứu của các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài tỉnh để triển khai áp dụng tại tỉnh Cà Mau.

5. Trình tự, hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ địa chỉ: <http://sokhcn.camau.gov.vn>. các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ hoặc qua đường bưu điện.

b) Hồ sơ: 01 (một) phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu).

Điều 6. Xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thành lập Hội đồng xem xét, đánh giá về tính đầy đủ, cấp thiết của các đề xuất (có thể mời chuyên gia độc lập); sau đó tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hội đồng có nhiệm vụ xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính khả thi trong ứng dụng, đảm bảo được tính mới, tính khoa học, tính thực tiễn, thiết thực, bức xúc tại địa phương.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ qua xem xét nếu cần thiết sẽ đề xuất thêm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng với yêu cầu cấp bách, thực tế địa phương.

3. Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 7. Điều kiện để được tuyển chọn là tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào danh mục nhiệm vụ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện trong năm có trách nhiệm xem xét tuyển chọn, xét chọn hoặc giao trực tiếp các cơ quan, đơn vị và cá nhân chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải có đủ các điều kiện sau:

a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn hoặc được xét giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải có nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp để đảm bảo thực hiện các nội dung công việc của nhiệm vụ đặt ra. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm được phép phối hợp với các tổ chức có tiềm lực khoa học và công nghệ, các cá nhân là nhà khoa học có uy tín để thực hiện các nội dung nghiên cứu khoa học.

c) Các tổ chức không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn hoặc xét giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khi đến thời điểm nộp hồ sơ:

- Chưa hoàn thành đúng hạn việc thanh quyết toán nhiệm vụ đã thực hiện trước đó;

- Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ 06 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ trong 03 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ và phải bảo đảm đủ thời gian để thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ; là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; có đủ khả năng trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ.

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện do sai phạm sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn hoặc giao trực tiếp trong vòng 02 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh hoặc thời điểm có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ.

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ 06 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn hoặc giao trực tiếp trong thời gian tương ứng như sau:

- 12 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ sáu (06) tháng đến dưới 12 tháng.

- 24 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ 12 tháng trở lên.

d) Mỗi cá nhân chỉ chủ nhiệm 01 nhiệm vụ nhưng có thể đồng thời tham gia làm thành viên nghiên cứu nhiều nhiệm vụ. Mỗi nhiệm vụ có một chủ nhiệm và tổ chức chủ trì (trường hợp đặc biệt, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể quyết định đồng chủ nhiệm). Chủ nhiệm đang thực hiện nhiệm vụ, khi chuyển công tác nếu không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện, được tiếp tục chủ nhiệm đến khi hoàn thành nhiệm vụ. Cá nhân làm chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ với tư cách cá nhân nhà khoa học không đại diện tổ chức, đơn vị công tác.

Điều 8. Trình tự, thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trình tự gửi hồ sơ:

a) Chuẩn bị hồ sơ: Trên cơ sở thông báo tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn hoặc giao trực tiếp truy cập thông tin trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ địa chỉ: <http://sokhcn.camau.gov.vn> hoặc liên hệ trực tiếp với Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ.

b) Nộp hồ sơ: Tổ chức và cá nhân tiến hành nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện trong vòng 60 ngày kể từ ngày thông báo nộp hồ sơ.

- Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi theo dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ (trường hợp nộp trực tiếp).

- Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn hoặc giao trực tiếp, có thể rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn quy định nộp hồ sơ.

2. Hồ sơ đăng ký:

a) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu).

- Thuyết minh đề tài; thuyết minh dự án; thuyết minh đề án (theo mẫu).

- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu) và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có).

- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (theo mẫu).

- Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài).

- Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có), theo mẫu quy định.

- Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác).

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ

các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).

- Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ.

Điều 9. Xét duyệt đề cương thuyết minh và ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xét duyệt đề cương thuyết minh

a) Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, trong vòng 60 ngày làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hội đồng có trách nhiệm xem xét nội dung, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của nhiệm vụ để tuyển chọn, xét chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ.

b) Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng trong thời hạn 15 ngày làm việc.

2. Hồ sơ, biểu mẫu phục vụ phiên họp Hội đồng gồm:

a) Quyết định thành lập hội đồng và danh sách kèm theo.

b) Trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt.

c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Biên bản mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN (theo mẫu).

đ) Phiếu nhận xét: đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hoặc đề án khoa học; dự án sản xuất thử nghiệm (theo mẫu).

e) Phiếu đánh giá chấm điểm: đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hoặc đề án khoa học; dự án sản xuất thử nghiệm (theo mẫu).

g) Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (theo mẫu).

h) Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (theo mẫu).

i) Biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (theo mẫu).

k) Giấy ủy quyền (theo mẫu).

2. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định kinh phí và ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (hợp đồng khoa học và công nghệ) với tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKH-CN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 10. Báo cáo định kỳ và kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ phải thực hiện tốt các báo cáo tiến độ thực hiện, nội dung công việc thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng khoa học và công nghệ đã được ký gửi về Sở Khoa học và Công nghệ theo đúng thời gian quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí.

3. Mọi thay đổi so với nội dung của đề cương thuyết minh được duyệt và hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký; các sự cố, rủi ro xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ phải kịp thời thông báo và báo cáo bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

Điều 11. Sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ là tổng kinh phí đã được ghi trong hợp đồng khoa học và công nghệ. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm phải sử dụng đúng mục đích, trong trường hợp sử dụng không đúng mục đích thì Thủ trưởng tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi phí phát sinh hợp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

Điều 12. Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện bằng ngân sách nhà nước khi kết thúc phải được đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định. Đến thời hạn đánh giá nghiệm thu thì tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải tiến hành đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở trước khi trình Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp thực hiện không đúng tiến độ, cơ quan chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi văn bản đề nghị gia hạn hợp đồng khoa học và công nghệ đến Sở Khoa học và Công nghệ xem xét. Thời gian gia hạn không vượt quá 06 tháng.

2. Thời hạn nộp hồ sơ: Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

3. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ, gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật).

4. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu gồm có:

a) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (theo mẫu).

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

d) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

đ) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

e) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

g) Văn bản xác nhận sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ.

h) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

i) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

k) Các tài liệu khác (nếu có).

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo cho tổ chức chủ trì về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

7. Phiên họp Hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập. Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiến hành đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện theo mục tiêu, nội dung, phương pháp, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã được ký kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá nghiệm thu.

8. Hồ sơ, biểu mẫu phục vụ phiên họp Hội đồng gồm:

a) Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ: Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn (theo mẫu).

b) Phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu).

c) Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu).

d) Biên bản đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu).

Điều 13. Giao nộp sản phẩm khoa học và công nghệ và thanh quyết toán kinh phí

1. Sau 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu (theo mẫu).

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ phải bàn giao các kết quả, danh mục tài liệu có liên quan và giao nộp báo cáo chính thức công trình nghiên cứu theo đúng số lượng đã ghi trong hợp đồng khoa học và công nghệ, đồng thời phải quyết toán kinh phí trong vòng 15 ngày. Biên bản giao nộp sản phẩm khoa học và công nghệ, biên bản thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cơ sở để ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ.

Điều 14. Công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản giao nộp sản phẩm khoa học và công nghệ, biên bản thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập biên bản thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ theo quy định.

3. Hồ sơ thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ gồm có:

- a) Hợp đồng khoa học và công nghệ.
- b) Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- c) Biên bản bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- d) Biên bản đánh giá và giao nhận các vật tư, tài sản trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mua sắm.
- đ) Biên bản thanh toán, quyết toán kinh phí.

Điều 15. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quyền lợi:

a) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm, đơn vị và cá nhân phối hợp thực hiện nhiệm vụ được hưởng các quyền lợi về vật chất và tinh thần theo pháp luật quy định và phải tuân thủ các vấn đề có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ như: quyền tác giả, quyền phát minh sáng chế và các quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Được phép thông tin về nội dung và các kết quả đạt được của nhiệm vụ với các tạp chí chuyên ngành, báo, đài và đăng tải trên Tập san thông tin khoa học công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau và được hưởng nhuận bút theo quy định.

2. Nghĩa vụ:

Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung đề cương thuyết minh đã được duyệt và hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết.

Điều 16. Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu

Thực hiện theo Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 17. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ sau

1. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Xem xét, thẩm định, phê duyệt, cấp kinh phí cho tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; điều chỉnh hợp đồng khoa học và công nghệ theo quy định.

5. Ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Tổ chức đánh giá nghiệm thu, thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Quyết định và chịu trách nhiệm đối với các nhiệm vụ ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống có mức kinh phí từ 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) trở xuống.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

a) Tổ chức, cá nhân có thành tích trong sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ được phong, tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

b) Tập thể và cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đề xuất khen thưởng khi kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt loại khá, xuất sắc và kết quả được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn quản lý, sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả thiết thực, được đơn vị ứng dụng xác nhận bằng văn bản và Hội đồng Khoa học công nghệ tỉnh xem xét chấp thuận. Mức khen thưởng loại khá là 15.000.000 đồng; loại xuất sắc là 30.000.000 đồng.

2. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thân Đức Hưởng